



Cập nhật GMD – MUA

Ngày 20/02/2025

Nguyễn Thế Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1047)

hungnt@acbs.com.vn

Báo cáo Cập nhật

Khuyến nghị

MUA

HSX: GMD

Cảng biển

Giá mục tiêu (VND)

73.800

Giá hiện tại (VND)

61.000

Tỷ lệ tăng giá

21,0%

Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng

1,4%

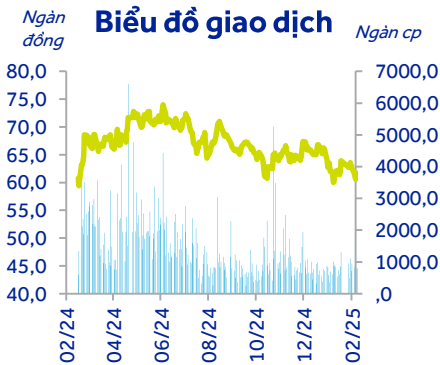
Tổng tỷ suất lợi nhuận

22,3%

Diễn biến giá cổ phiếu (%)

	YTD	1T	3T	12T
Tuyệt đối	-6,4	-1,8	-5,7	5,2
Tương đối	-8,2	-4,1	-11,0	-2,4

Nguồn: Bloomberg



Cơ cấu sở hữu

VietFund Management Ltd	3,9%
KIM Co., Ltd.	3,7%
Schroders PLC	2,7%
KIM VN GROWTH EQ FUND	2,5%
Nguyễn Doãn Phi Anh	1,9%

Thống kê

Mã Bloomberg	19/02/25
Thấp/Cao 52 tuần (VND)	59.100 – 74.800
SL lưu hành (triệu cp)	414
Vốn hóa (tỷ đồng)	25.253
Vốn hóa (triệu USD)	988
Room khối ngoại còn lại (%)	4.3
Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%)	93.6
KLGD TB 3 tháng (cp)	845.400
VND/USD	25.560
Index: VNIndex / HNX	1.288,6/237,8

CTCP GEMADEPT (GMD VN)

GMD ghi nhận KQKD tích cực trong Q4 và cả năm 2024 chủ yếu nhờ mức phí xếp dỡ container và sản lượng thông qua cảng tăng trưởng. Dự phóng năm 2025 không thay đổi với doanh thu và LNST lần lượt đạt 4.892 tỷ đồng (+1,2% svck) và 1.798 tỷ đồng (-5,6% svck). Tăng trưởng trong 2025 có thể chậm lại do sản lượng đã vượt công suất thiết kế và cạnh tranh nhiều hơn từ các đối thủ. Với giá mục tiêu cuối năm 2025 là 73.800 đồng/cp và cổ tức tiền mặt là 1.000 đồng/cp thì tổng tỷ suất lợi nhuận dự kiến là 22,3% so với mức giá đóng cửa ngày 19/02/2025 là 61.000 đồng/cp. Chuyển khuyến nghị từ Khả quan sang Mua.

Trong Q4/2024, GMD ghi nhận doanh thu đạt 1.412 tỷ đồng (+36,6% svck). Lợi nhuận gộp đạt 629 tỷ đồng (+47,8% svck) với biên LNG đạt 44,6%, tăng 3,4% sv Q4/2023. Lãi từ công ty liên doanh, liên kết (chủ yếu nhờ hoạt động tích cực từ cảng Gemalink và SCS) ghi nhận 313 tỷ đồng (+124,5% svck). LNTT đạt 351 tỷ đồng (+38,6% svck).

Kết thúc 2024, GMD ghi nhận doanh thu 4.832 tỷ đồng (+25,7% svck) và LNTT đạt 2.080 tỷ đồng (-33,9% svck), hoàn thành 97% dự phóng của ACBS. Sự sụt giảm là do khoản thu nhập tài chính từ thoái vốn cảng thấp hơn svck. Nếu không bao gồm khoản thu nhập bất thường này, LNTT hoạt động cốt lõi của GMD đạt 1.744 tỷ đồng (+33,8% svck).

KQKD tích cực này của GMD là nhờ: (1) Thông tư 39/2023/TT-BGTVT có hiệu lực từ tháng 2/2024 giúp mức phí xếp dỡ container của GMD tăng 9,2% svck; và (2) sản lượng container thông qua các cụm cảng GMD tăng trưởng mạnh svck. Cụ thể:

Sản lượng container thông qua GMD trong 2024 đạt 4,4 triệu TEU (+47% svck), chiếm 14,7% thị phần sản lượng thông qua toàn quốc, tăng 2,5% so với 2023, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ doanh thu toàn công ty. Trong đó, cụm cảng miền Bắc và cảng Phước Long-Bình Dương đạt sản lượng 2,6 triệu TEU (+32% svck), giúp doanh thu khai thác cảng đạt 4.200 tỷ đồng (+44,4% svck) và lợi nhuận gộp đạt 1.964 tỷ đồng (+55% svck). Biên LNG đạt 46,8%, tăng 3,1% so với 2023. Cảng Gemalink đạt sản lượng 1,7 triệu TEU (+77% svck), vượt CSTK 18%, đóng góp hơn 60% giúp lãi từ công ty liên kết ghi nhận 816 tỷ đồng, tăng đột biến 197% svck.

	2022	2023	2024U	2025F	2026F
DT thuần (tỷ đồng)	3.898	3.846	4.833	4.893	5.238
Tăng trưởng	22%	-1%	26%	1%	7%
EBITDA (tỷ đồng)	1.832	3.676	2.625	2.572	2.782
Tăng trưởng	40%	101%	-29%	-2%	8%
LNST (tỷ đồng)	1.161	2.505	1.905	1.768	1.859
Tăng trưởng	61%	116%	-24%	-7%	5%
EPS (hiệu chỉnh, VND)	2.805	6.050	4.602	4.271	4.491
Tăng trưởng	61%	116%	-24%	-7%	5%
ROE (%)	15%	28%	16%	12%	12%
ROA (%)	10%	19%	12%	10%	9%
Nợ ròng/EBITDA (x)	1,1	0,5	0,8	0,7	0,5
EV/EBITDA (x)	16,7	8,3	11,6	11,9	11,0
P/E (lần)	22,0	10,2	13,4	14,4	13,7
P/B (lần)	2,5	2,1	2,2	1,8	1,6
Cổ tức (VND)	1.200	1.200	1.000	1.000	1.000
Suất sinh lợi cổ tức	3%	3%	1,6%	1,6%	1,6%

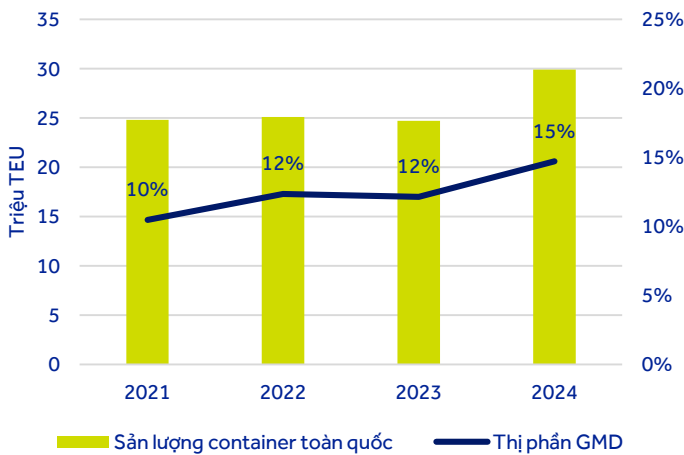
Giai đoạn 2025-2026, mặc dù động lực tăng trưởng của GMD vẫn còn nhưng chúng tôi đánh giá có phần thận trọng hơn do (1) sản lượng container thông qua trong 2024 đã vượt khoảng 30% CSTK của GMD; (2) hiệu quả từ tái cấu trúc đã được phản ánh trên BCTC; và (3) nhiều cảng mới đi vào hoạt động, đặc biệt ở khu vực Lạch Huyện, gia tăng cạnh tranh ở khu vực này.

Bảng 1: Kết quả kinh doanh Q4/2024 và năm 2024

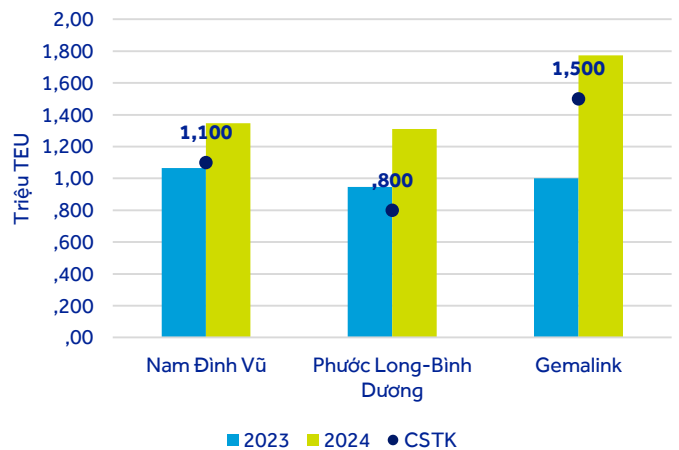
Đơn vị: tỷ VND	Q4/2024	Q4 svck	2024	2024 svck	sv kế hoạch 2024	sv dự phóng 2024
Doanh thu	1.412	37%	4.832	26%	121%	109%
Lợi nhuận gộp	629	48%	2.162	22%		
<i>Biên LNG</i>	<i>44,6%</i>		<i>44,7%</i>			
Doanh thu tài chính	29	21%	418	-78%		
Chi phí tài chính	16	-37%	150	-3%		
Chi phí lãi vay	33	-13%	139	3%		
Chi phí QLDN	270	-2%	816	23%		
Lãi từ công ty liên kết	313	125%	816	197%		
LNTT	351	39%	2.080	-34%	123%	97%
LNST	356	86%	1.905	-25%		
<i>Biên LNST</i>	<i>25,2%</i>		<i>39,4%</i>			

Nguồn: GMD, ACBS

Thị phần sản lượng thông qua GMD

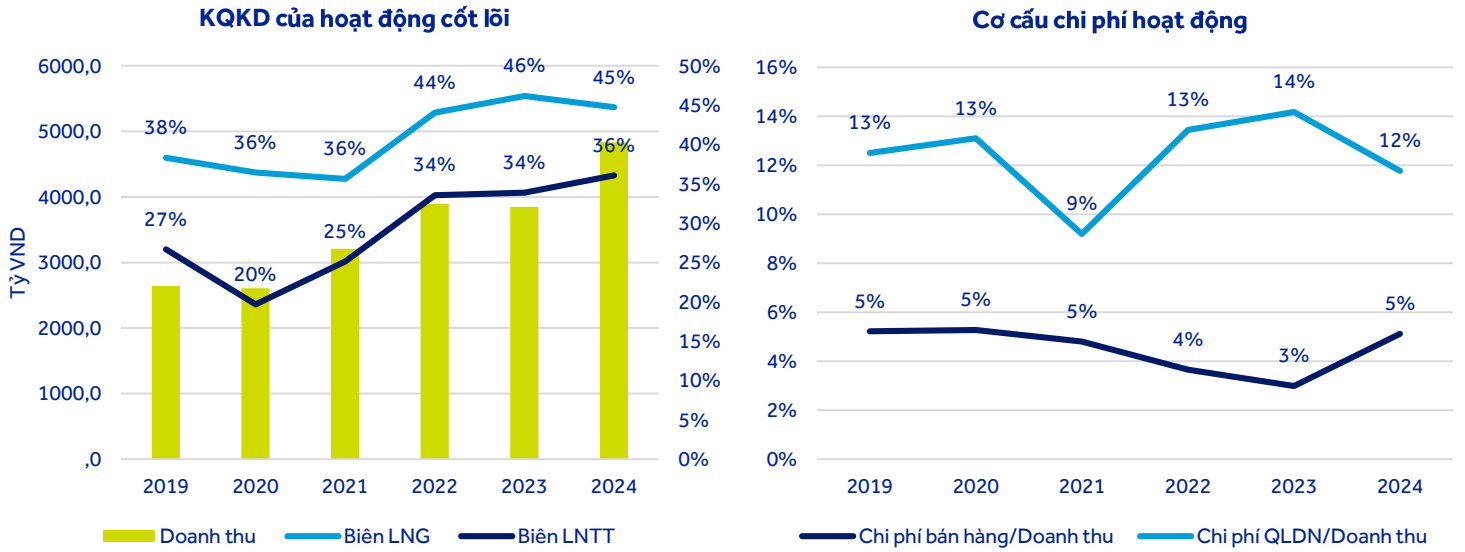


Sản lượng thông qua các cảng GMD



Nguồn: GMD, ACBS

Dự địa tăng trưởng của GMD trong ngắn hạn đang dần thu hẹp. Trong năm 2024, tổng sản lượng container thông qua cảng GMD đạt 4,4 triệu TEU, vượt khoảng 30% so với tổng công suất thiết kế. Thông thường, một cảng khi vận hành ổn định có thể duy trì hiệu suất hoạt động vượt 30-40% mức công suất thiết kế. Do đó, xét trên hiệu suất hiện tại và bối cảnh hai dự án trọng điểm là Nam Định Vũ 3 và Gemalink 2 được kỳ vọng đi vào hoạt động sớm nhất là cuối năm 2026, khả năng mở rộng công suất để đáp ứng nhu cầu gia tăng trong 2025-2026 không còn nhiều.



Nguồn: GMD, ACBS

Hiệu quả hoạt động sau khi thoái vốn cảng Nam Hải Đình Vũ và tập trung vận hành cảng Nam Đình Vũ 2 giai đoạn kể từ Q2/2023 đã được phản ánh trên báo cáo KQKD 2024. Cụ thể như biên LNG mang khai thác cảng tăng từ 43,7% trong 2023 lên 46,8% trong 2024; tỷ lệ chi phí QLDN/Doanh thu cũng đồng thời giảm từ 14,2% xuống 11,8%.

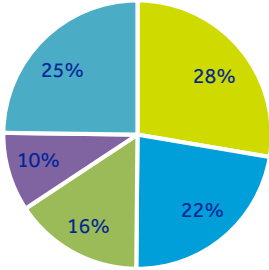
Đà tăng trưởng của GMD trong 2025 có thể phân hóa giữa các cụm cảng miền Bắc và miền Nam do các dự án cảng mới bắt đầu đi vào hoạt động, làm gia tăng nguồn cung và tạo áp lực cạnh tranh cho các cảng trong khu vực. Trong đó, khu vực miền Nam sẽ chịu ít áp lực hơn và cụm cảng ở khu vực này sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng cho GMD trong giai đoạn tới.

Bảng 2: Những cảng biển cạnh tranh với GMD

Chủ đầu tư	Cảng biển	Vị trí	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	CSTK (TEU/năm)	Thời gian dự kiến khai thác
CTCP Cảng Hải Phòng	Lạch Huyện bến số 3 và 4	Hải Phòng	6.900	1.100.000	Q1/2025 (đã hoạt động)
CTCP Tập đoàn Hateco	Lạch Huyện bến số 5 và 6	Hải Phòng	8.900	1.800.000	Q1/2025 (đã hoạt động)
Tổng CT Tân Cảng Sài Gòn	Lạch Huyện bến số 7 và 8	Hải Phòng	12.800	1.900.000	Giai đoạn 1 (1,1 triệu TEU/năm) vào năm 2027
CTCP DKĐT Khai thác cảng Phước An	Phước An giai đoạn 1	Đồng Nai	5.000	700.000	Q1/2025 (đã hoạt động)
N/A	Cần Giờ giai đoạn 1	Cần Giờ	N/A	2.100.000	Khai thác giai đoạn 1 trước năm 2030

Nguồn: ACBS

Thị phần các cảng ở Hải Phòng ước tính năm 2025



■ PHP ■ VSC ■ GMD ■ Hateco ■ Còn lại

Nguồn: ACBS

Chúng tôi ước tính các dự án cảng mới khi đi vào hoạt động sẽ gia tăng sự cạnh tranh ở khu vực Hải Phòng. Cụ thể, tổng công suất khai thác tại Hải Phòng năm 2025 sẽ đạt 11,5 triệu TEU/năm (tăng 33,5% sv 2024), và đến năm 2027 sẽ đạt 13,9 triệu TEU/năm (tăng 61,2% sv 2024), tăng 61,2% so với năm 2024. Mặc dù nguồn cung công suất mới tăng thêm ở Hải Phòng sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ lấp đầy của cảng Nam Đình Vũ nhưng chúng tôi đánh giá tác động này sẽ phần nào được giảm bớt khi GMD đang vận hành các cảng của mình tập trung hơn ở 1 vị trí với CSTK lớn. Do đó trong điều kiện sản lượng thông qua không tích cực, tác động sẽ thấp hơn so với giai đoạn trước khi GMD vận hành các cảng ở vị trí độc lập tách rời nhau.

Đối với khu vực miền Nam, áp lực nguồn cung thấp hơn khi chỉ có dự án cảng Phước An giai đoạn 1 đi vào hoạt động vào tháng 2/2025 ở khu vực Đồng Nai.

Dự phóng năm 2025 không thay đổi với doanh thu và LNST của GMD lần lượt đạt 4.892 tỷ đồng (+1,2% svck) và 1.798 tỷ đồng (-5,6% svck). Với giá mục tiêu cuối 2025 là 73.800 đồng/cp và cổ tức tiền mặt là 1.000 đồng/cp thì tổng tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng dự kiến là 22,3% so với mức giá đóng cửa ngày 19/02/2025 là 61.000 đồng/cp. Thay đổi khuyến nghị từ Khả quan sang Mua.

DỰ PHÓNG KQKD		Giá mục tiêu: VND	73.800	Vốn hóa: tỷ VND	25.253
(Đơn vị: tỷ đồng)	2022	2023	2024U	2025F	2026F
Doanh thu thuần	3.898	3.846	4.833	4.893	5.044
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>22%</i>	<i>-1%</i>	<i>26%</i>	<i>1%</i>	<i>3%</i>
Khai thác cảng	3.086	2.909	4.201	4.199	4.284
Logistics & hoạt động khác	811	936	632	693	759
Lợi nhuận gộp	1.718	1.776	2.162	2.097	2.156
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>44,1%</i>	<i>46,2%</i>	<i>44,7%</i>	<i>42,9%</i>	<i>42,7%</i>
Chi phí bán hàng	142	115	247	250	258
Chi phí quản lý doanh nghiệp	524	545	569	587	605
Lợi nhuận từ HĐKD	1.051	1.116	1.345	1.260	1.292
<i>Biên lợi nhuận từ HĐKD</i>	<i>27%</i>	<i>29%</i>	<i>28%</i>	<i>26%</i>	<i>26%</i>
Thu nhập tài chính	24	1.941	418	87	50
Chi phí tài chính	166	169	150	188	176
Thu nhập khác	(0)	(16)	(349)	53	55
Lãi/lỗ từ CT Liên doanh liên kết	399	274	816	775	814
Lợi nhuận trước thuế	1.308	3.146	2.080	1.988	2.034
Lợi nhuận sau thuế	1.161	2.505	1.905	1.799	1.841
Lợi ích cổ đông thiểu số	167	280	446	270	276
Lợi nhuận sau thuế của CĐ CT mẹ	994	2.224	1.459	1.529	1.565
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>25%</i>	<i>58%</i>	<i>30%</i>	<i>31%</i>	<i>31%</i>
Tiền & các khoản tương đương tiền	1.447	1.830	4.986	4.108	4.192
Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu CP)	301	306	414	414	414
EPS (VND)	3.853	8.187	4.602	4.345	4.447
EPS hiệu chỉnh (VND)	2.805	6.050	4.602	4.345	4.447
<i>Tăng trưởng EPS hiệu chỉnh</i>	<i>61%</i>	<i>116%</i>	<i>-24%</i>	<i>-6%</i>	<i>2%</i>

CÁC KHOẢN MỤC CĐKT VÀ DÒNG TIỀN	2022	2023	2024U	2025F	2026F
Thay đổi vốn lưu động	1.108	-1.390	-597	-73	-42
Capex	-1.235	1.013	-1.495	-2.298	-1.805
Các khoản mục dòng tiền khác	(35)	(385)	406	171	279
Dòng tiền tự do	1.255	2.094	54	862	687
Cổ tức đã trả	-428	-780	-414	-414	-414
Thay đổi nợ ròng	-650	-450	-2.951	402	-273
Nợ ròng cuối năm	2.030	1.964	2.167	1.692	1.503
Vốn CSH	7.496	8.827	11.730	14.446	15.852
Giá trị sổ sách/cp (VND)	24.873	28.856	28.334	34.895	38.291
Nợ ròng/VCSH (x)	1,1	0,5	0,8	0,7	0,5
Nợ ròng/EBITDA (x)	16,7	8,3	11,6	11,9	11,0
Tổng tài sản	11.881	13.286	15.764	18.481	19.624

CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI VÀ ĐỊNH GIÁ	2022	2023	2024U	2025F	2026F
ROE (%)	15%	28%	16%	12%	12%
ROA (%)	10%	19%	12%	10%	9%
ROIC (%)	14%	24%	12%	12%	15%
WACC (%)	11%	11%	11%	11%	11%
P/E (x)	22,0	10,2	13,4	14,2	13,9
EV/EBITDA (x)	16,7	8,3	11,7	11,9	11,2
EV/FCF (x)	24,4	14,6	57,1	35,6	44,6
P/B (x)	2,5	2,1	2,2	1,8	1,6
P/S (x)	4,8	4,9	5,3	5,2	5,1
EV/sales (x)	7,9	8,0	6,3	6,3	6,1
Suất sinh lợi cổ tức	3,0%	3,0%	1,6%	1,6%	1,6%

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TPHCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Giám Đốc Phòng Phân Tích

Đỗ Minh Trang

(+84 28) 7300 7000 (x1041)

trangdm@acbs.com.vn

Giám đốc phân tích ngành Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 7300 7000 (x1043)

trucptt@acbs.com.vn

Giám đốc phân tích ngành Tài chính

Cao Việt Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1049)

hungcv@acbs.com.vn

Giám đốc phân tích ngành Hàng tiêu

dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

chiltk@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000 (x1044)

hungpv@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu Xây dựng, Hóa chất

Trần Nhật Trung

(+84 28) 7300 7000 (x1045)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT – Ngành Điện, nước

Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)

toanpd@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô & TT Tiên tệ

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 7300 7000 (x1046)

minhtvh@acbs.com.vn

CVPT – Xây dựng

Đỗ Tiến Đạt

(+84 28) 7300 7000 (x1048)

datdt@acbs.com.vn

CVPT – Logistics

Nguyễn Thế Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1047)

hungnt@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)

huyvp@acbs.com.vn

NVPT – Dữ liệu thị trường

Mai Duy Anh

(+84 28) 7300 7000 (x1110)

anhmd@acbs.com.vn

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 7300 7000 (x1083)

huongctk@acbs.com.vn

groupis@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHDC

Nguyễn Trần Như Huỳnh

(+84 28) 7300 6879 (x1088)

huynhntn@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA: nếu tổng tỷ suất sinh lời từ cổ phiếu (bao gồm cổ tức), cao hơn 20%, $E(R) \geq 20\%$

KHẢ QUAN: nếu tổng tỷ suất sinh lời từ cổ phiếu (bao gồm cổ tức) thấp hơn 20%, và cao hơn 10%, $10\% = E(R) < 20\%$

TRUNG LẬP: nếu tổng tỷ suất sinh lời từ cổ phiếu (bao gồm cổ tức) cao hơn -10%, và thấp hơn 10%, $-10\% = E(R) < 10\%$

KÉM KHẢ QUAN: nếu tổng tỷ suất sinh lời từ cổ phiếu (bao gồm cổ tức) cao hơn -20%, và thấp hơn -10%, $-20\% = E(R) < -10\%$

BÁN: nếu tổng tỷ suất sinh lời từ cổ phiếu (bao gồm cổ tức) cao hơn -20%, và thấp hơn -10%, $E(R) < -20\%$

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày ở đây.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2025). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.